

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 7 – 2020
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Nguyễn Việt Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đát - là Thẩm tra viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 511/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Mộng Đ (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C

- *Bị đơn:* Anh Châu Văn C (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Phan Mộng Đ trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh C đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C tỉnh C. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh C thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm chăm sóc vợ, con, không chăm lo cho kinh tế gia đình. Cách đây khoảng 01 năm, chị có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng đã rút đơn để anh C sửa đổi, đến nay anh C vẫn không sửa đổi, vợ chồng cũng thể hàn gắn được nên chị và anh C đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có một con chung tên Châu P, sinh ngày 17/3/2017. Khi ly hôn, do con chị bị bệnh nên chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh

C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, nhưng anh C chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng thì chị cũng đồng ý.

- Về tài sản chung:

Chị xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc xe hiệu Hayate biển số 9...-036... mua xe cũ vào năm 2018 trị giá là 11.300.000 đồng, hiện nay anh C đang quản lý sử dụng và giữ giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe nói trên. Khi ly hôn, chị và anh C sẽ tự thỏa thuận đối với tài sản nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản nào khác.

- Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại.

Tại bản tự khai và trình bày của anh Châu Văn C trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân, anh và chị Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh C. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, trước đây chị Đ rút đơn ly hôn nhưng do không về sống chung nên anh không có biện pháp hàn gắn, vợ chồng ly thân nhau khoảng 01 năm nay. Do anh còn thương vợ thương con, chị Hiền yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung, anh và chị Đ có một con chung tên là Châu P, sinh ngày 17/3/2017. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Đ nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, anh xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc xe hiệu Hayate biển số 9...-036... mua xe cũ vào năm 2018, hiện nay anh đang quản lý sử dụng và giữ giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe nói trên. Khi ly hôn, anh và chị Đ sẽ tự thỏa thuận đối với tài sản nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản nào khác.

- Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Châu Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 16/7/2020 và ngày 29/7/2020 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn và nuôi con khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Chị Phan Mộng Đ và anh Châu Văn Ch đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh C, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đ cương quyết xin ly hôn, còn anh C không đồng ý. Xét thấy, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh C đã có mâu thuẫn với

nhau trong thời gian dài nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn, chị Đ và anh C đã sống mỗi người một nơi đã hơn một năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, từ đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Đ ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: chị Đ và anh C có một con chung tên là Châu P, sinh ngày 17/3/2017, hiện nay con đang sống chung với chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ và anh C đều thống nhất thỏa thuận tiếp tục giao con cho chị Đ trực tiếp nuôi, anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Tuy nhiên, hiện nay cháu P đang bị bệnh dạng khuyết tật nặng, được hưởng trợ cấp xã hội nên anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình, thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật. Anh C vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, xét thấy, chị Đ và anh C đều xác định để anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về nợ chung, anh chị xác định không có.

[6] Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh C phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Mộng Đ ly hôn với anh Châu Văn C.

2/ Về con chung: Buộc anh Châu Văn C tiếp tục giao con chung tên là Châu P, sinh ngày 17/3/2017, hiện nay con đang sống chung với chị Đ, cho chị Đ trực tiếp nuôi. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh C vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp anh C không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng như đã nêu thì kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, anh C phải thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị Đ phải chịu. Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001930 vào ngày 02/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh C, được đối trừ, chị Đ đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: anh C phải chịu là 300.000đ, (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C **có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND xã T, Tp C, tỉnh C
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh

